

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HSST  
Ngày 10- 01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy T

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Đ

Ông Hoài Đức H

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thanh D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:***

Bà Vương Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 171/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1990, tại Đ, tên gọi khác Cu k. Nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Đ, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không có

Tiền án: Vào ngày 29/11/2016, Huỳnh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 08 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; đến ngày 13/01/2018, T chấp hành xong hình phạt tù.

+ Vào ngày 07/6/2019, Huỳnh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 08 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đến ngày 18/7/2020, Trung chấp hành xong hình phạt tù.

- Nhân thân: Ngày 07/7/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L đưa đi cai nghiện chất ma túy trong thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Đồng Nai, đến ngày 07/7/2015, Huỳnh Văn T chấp hành xong.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 05 tháng 5 năm 2021 đến nay.

2. Nguyễn Phước H, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1987 tại Đ, tên gọi khác H C. Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị H, bị cáo chưa kết hôn khai có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án: Không có

Tiền sự: Ngày 14/3/2016, bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến nay Nguyễn Phước H chưa đóng phạt.

+ Ngày 26/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện N đưa đi cai nghiện chất ma túy trong thời hạn 24 tháng tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, đến ngày 23/5/2019, Nguyễn Phước H chấp hành xong.

- Nhân thân:

+ Ngày 20/9/2009, Nguyễn Phước H bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 01 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Ngày 05/4/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đưa đi cai nghiện chất ma túy trong thời hạn 24 tháng tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Đồng Nai, đến ngày 10/4/2015, Nguyễn Phước H chấp hành xong.

+ Ngày 05/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N đưa đi cai nghiện chất ma túy trong thời hạn 24 tháng tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, đến ngày 07/12/2017, Nguyễn Phước H chấp hành xong.

**Bị hại:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Ông Trần Văn T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Tạm trú: Ấp Bến Cam, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**(Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa)**

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 26/3/2021, Huỳnh Văn T và Lê Văn D (tên thường gọi là Tư Đ) đến nhà bạn là Ngô Văn H, tại ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để chơi máy bắn cá thì gặp Nguyễn Phước H. Tại đây nhưng H không mở máy bắn cá nên D điều khiển xe mô tô Dream, màu nâu không nhớ biển số chở T, H điều khiển xe mô tô Dream, màu nâu biển số 60Y8-xxxx đi về. Khi đi được khoảng 100 mét, đến gần trường tiểu học P 2, D nhìn thấy có một chiếc xe mô tô Sirius màu trắng đỏ, biển số 38P1-xxx.xx của chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T có gắn chìa khóa, đang dựng gần xe bán nước đối diện trường Tiểu học P 2, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. D rủ T và H lấy trộm chiếc xe trên thì cả bọn cùng đồng ý. Sau đó, D chở T quay đầu xe lại, H cũng cho xe quay đầu lại đứng ngoài đường canh giới. D đi bộ vào vờ hỏi mua hai chai nước ngọt Sting thì chị T đi để lấy nước đá, lợi dụng sơ

hở của chị T không chú ý nên T đi vào và ngồi lên chiếc xe Sirius màu trắng đỏ, biển số 38P1-xxx.xx rồi đề máy xe chuẩn bị điều khiển xe đi, ngay lúc này chị T phát hiện và chạy ra nắm lấy phía sau yên xe để kéo lại và hô lên “*cướp, cướp*”, thấy vậy nên T tăng ga xe bỏ chạy thoát, làm chị T bị té ngã, D cũng điều khiển xe Dream, màu nâu chạy theo phía sau còn H điều khiển xe Dream, màu nâu biển số 60Y8-xxxx đi theo khoảng 100 mét theo rẽ đường trái về nhà tại ấp 1, xã P. Khi về đến công ty Đ thuộc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, T và D mở cốp Sirius màu trắng đỏ biển số 38P1-xxx.xx thì phát hiện có 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 2 chỉ 01 phân 17 ly, 1 đôi bông tai kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 04 phân và một số giấy tờ: 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 02 chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị T, 02 thẻ bảo hiểm y tế tên Trần Thị Mai H và Trần Nguyễn Đại N; 01 bảo hiểm xe biển số 38P1-xxx.xx, 01 sổ đăng ký tạm trú. T cùng D đem số vàng trên đi bán tại một tiệm vàng không nhớ tên thuộc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai được 11.000.000 đồng và vứt bỏ các giấy tờ trên đường đi. Số tiền bán vàng có được T và D chia nhau mỗi người một nửa. Sau đó, D và T mang xe Sirius màu trắng đỏ, biển số 38P1-xxx.xx đến bán cho một người tên H chưa rõ nhân thân ở ấp B, xã P, huyện N, với giá 4.500.000 đồng. Sau khi lấy tiền bán xe D chia cho T 1.500.000 đồng, H 1.200.000 đồng, còn lại D giữ và tiêu xài. Sau khi bị mất tài sản, chị T đã đến Công an xã P, huyện N trình báo sự việc, Công an xã P lập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N điều tra theo thẩm quyền. Đến ngày 05/5/2021, T và H đến Công an huyện N đầu thú khai nhận hành vi của mình. Còn Lê Văn D vẫn bỏ trốn.

\* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 62/KLGD-HĐĐG ngày 10/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 01 chiếc xe mô tô Sirius màu trắng, đỏ biển số 38P1-xxx.xx, giá trị sử dụng còn lại 70%, có trị giá 16.100.000 đồng; 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 2 chỉ 01 phân 17 ly, có trị giá 7.554.000 đồng; 01 đôi bông tai kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 04 phân, có trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị là 25.154.000 đồng.

\* Tang vật vụ án: 01 chiếc xe mô tô Sirius màu trắng đỏ, biển số 38P1-xxx.xx; 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K, có trọng lượng 2 chỉ 01 phân 17 ly; 01 đôi bông tai kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 04 phân, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được. 01 xe mô tô Dream màu nâu biển số 60Y8 – xxxx thu giữ của Nguyễn Phước H.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đề nghị các bị cáo Huỳnh Văn T, Nguyễn Phước H bồi thường tổng giá trị thiệt hại tài sản là 25.154.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Văn T, Nguyễn Phước H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tình tiết chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 163/CT-VKS.HS ngày 26/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Nguyễn Phước H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 04 năm đến 05 năm tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T, bị cáo H bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại 25.154.000 đồng.

Về vật chứng đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Về án phí đề nghị buộc các bị cáo chịu theo luật

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn T, Nguyễn Phước H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cho thấy: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/3/2021 phát hiện xe mô tô BKS 38P1-xxx.xx của chị T, anh T dựng gần đường nên Lê Văn D rủ Huỳnh Văn T, Nguyễn Phước H trộm cắp. H làm nhiệm vụ cảnh giới, D đánh lạc hướng chị T, T lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 38P1-xxx.xx nhưng khi chị T phát hiện chạy tới nắm đuôi xe, giữ xe lại thì T dùng thủ đoạn rồ ga xe mục đích làm cho xe tăng tốc bất ngờ để giật xe, chiếm đoạt tài sản trong tay chị T bỏ chạy.

Xét có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Nguyễn Phước H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Vì vậy, cần xét

xử nghiêm nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét cho các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Tình tiết tăng nặng không có.

\* Về vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô Sirius màu trắng đỏ, biển số 38P1-xxx.xx; 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K, có trọng lượng 2 chỉ 01 phân 17 ly; 01 đôi bông tai kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 04 phân. Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không xem xét tại phiên tòa, buộc các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại cho bị hại.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa chị T, anh T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Phước H và Huỳnh Văn T liên đới bồi thường cho anh T, chị T số tiền 25.154.000 đồng thiệt hại tài sản 01 chiếc xe mô tô Sirius màu trắng đỏ, biển số 38P1-xxx.xx; 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K, có trọng lượng 2 chỉ 01 phân 17 ly; 01 đôi bông tai kim loại vàng 18K, có trọng lượng là 04 phân, bị cáo T và bị cáo H đồng ý. Việc thỏa thuận bồi thường của các bị cáo, bị hại không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 628.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với đối tượng tên H đã mua xe mô tô Sirius màu trắng, đỏ biển số 38P1-xxx.xx do Danh và Trung bán, đến nay chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô Dream, màu nâu biển số 60Y8-xxxx, Nguyễn Phước H sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản, qua làm việc xe này là của anh Lê Thành C, hiện nay anh C đã bán xe cho người không rõ nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh để điều tra làm rõ xử lý sau phù hợp quy định pháp luật.

Trong vụ án này còn có Lê Văn D cùng tham gia trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định khởi tố bị can số: 387/CSĐT-ĐTTHS ngày 16/7/2021 và lệnh bắt bị can để tạm giam số 40/L-CSĐT-HS ngày 16/7/2021. Hiện nay, D đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 14/QĐ-CSĐT-HS ngày 31/7/2021 và Quyết định truy nã bị can số 14/QĐTN-CSĐT-HS ngày 31/7/2021, phù hợp quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**



Áp dụng vào các Điều 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự;  
Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội: “ Cướp giật tài sản ”  
Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2021.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2021.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Huỳnh Văn T và Nguyễn Phước H liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn T số tiền 25.154.000 (hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Văn T và Nguyễn Phước H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 628.850 đồng án phí dân sự sơ.

Báo cho các bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai
- Lưu hồ sơ vụ án, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Duy T**